

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 12 - 2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Kim Sang

2. Bà Đoàn Thị Liễu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phan Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng, đối với vụ án thụ lý số: 186/2025/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1132, tổ 5, khu phố 2, phường V, tỉnh A.

2. **Bị đơn:** Anh Trần Văn S, sinh năm 1995 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 220/15B đường Q, phường R, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

Chị và anh Trần Văn S quen biết thông qua mai mối, sau một thời gian tìm hiểu hai bên tự nguyện tiến tới hôn nhân. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh K (nay là phường R, tỉnh A) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/3/2014. Thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau này cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay cãi vã. Nguyên nhân theo chị N cho rằng

do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu tôn trọng lẫn nhau. Chị và anh S đã nhiều lần hòa giải với nhau nhưng không thành. Do nhận thấy không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên chị N muốn ly hôn với anh S. Chị N xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/5/2011 và Trần Đức D, sinh ngày 07/7/2015.

Các vấn đề cụ thể nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh S.
- Về con chung: Chị tự nguyện giao cháu N và cháu D cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/12/2025 bị đơn là anh Trần Văn S trình bày: Anh đồng ý ly hôn với chị N; anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con chung là Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/5/2011 và Trần Đức D, sinh ngày 07/7/2015. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, anh xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Tuyết N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Trần Văn S; đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn S là bị đơn cư trú tại phường Rạch Giá, tỉnh An Giang; căn cứ quy định tại Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025, có hiệu lực thi hành ngày 07/7/2025; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang.

Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Trần Văn S đều có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ **khoản 1 Điều 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Trần Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (nay là phường Rạch Giá, tỉnh An Giang) cấp giấy

chứng nhận kết hôn ngày 10/3/2014, nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị N xác định nguyên nhân yêu cầu ly hôn là vì giữa chị và anh S không còn tình cảm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng sống ly thân đã lâu. Về phía anh S cũng đã có văn bản ý kiến đồng ý ly hôn với chị N. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử dựa trên nguyên tắc tự nguyện trong hôn nhân, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh S.

Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh S có 02 người con chung là Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/5/2011 và Trần Đức D, sinh ngày 07/7/2015. Chị N và anh S thống nhất về việc giao cháu N và cháu D cho anh S nuôi dưỡng sau khi ly hôn; điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N, cháu D. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh S không có yêu cầu.

Anh S cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở **chị N** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp **chị N** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì **anh S** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của **chị N**.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024.

Do các bên đương sự thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa sơ thẩm nên các bên đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định (mỗi bên chịu 25% mức án phí quy định) tương đương số tiền 75.000 đồng/người; nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N tự nguyện chịu toàn bộ án phí; do đó số tiền án phí chị N phải chịu là 150.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000400 ngày 04/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - An Giang), **chị N** được nhận lại số tiền là 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N đối với bị đơn anh Trần Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Trần Văn S.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/5/2011 và Trần Đức D, sinh ngày 07/7/2015 cho anh Trần Văn S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Anh S cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở **chị N** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp **chị N** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì **anh S** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của **chị N**.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu án phí là 150.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000400 ngày 04/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - An Giang), **chị N** được nhận lại số tiền là 150.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 1 – An Giang;
- THADS khu vực 1 – An Giang;
- UBND phường Rạch Giá;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm